TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2023/HS-ST
Ngày: 12- 12 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Minh Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thanh**

Ông **Nguyễn Văn Ba**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thanh Trúc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông **Lương Duy Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023 tại Hội trường B, Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 231/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 107/2023/HSST-QĐ ngày 24 tháng 11năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn N; sinh năm 1991 tại tỉnh Bình Định; giới tính: N; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nơi đăng ký thường trú: Thôn HT, xã NH, thị xã AN, tỉnh BĐ; trình độ học vấn: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Thợ xây; con ông Đỗ Văn Thành và bà Nguyễn Thị Hà; có vợ tên Huỳnh Thị Hiếu và 01 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 24/6/2023 đến ngày 30/6/2023 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ.

2. Lục Văn K; sinh năm 1985 tại tỉnh Bạc Liêu; giới tính: N; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nơi đăng ký thường trú: Ấp BĐ, xã LĐT, huyện ĐH, tỉnh BL; trình độ học vấn: Lớp 01/12; nghề nghiệp: Phụ hồ; con ông Lục Văn Tệt (đã chết) và bà Trương Thị Hà; có vợ tên Phạm Thị Thơm (đã chết) và có 02 con; Tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 24/6/2023 đến ngày 30/6/2023 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ.

3. Nguyễn Văn Toàn E; sinh năm 1981 tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: N; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nơi đăng ký thường trú: Ấp TH, xã TL, huyện TB, tỉnh ĐT; nơi sinh sống hiện nay: Ấp ĐM, xã PH, huyện NT, ĐN; trình độ học vấn: Lớp 02/12; nghề nghiệp: Phụ hồ; con ông Nguyễn Văn Xinh và bà Nguyễn Thị Nới (đã chết); có vợ: tên Nguyễn Thị Tuyết và có 03 con; Tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 24/6/2023 đến ngày 30/6/2023 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ.

4. Nguyễn Minh T; sinh năm 1990 tại tỉnh Hà N; giới tính: N; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nơi đăng ký thường trú: Tổ 2, phường THĐ, thành phố PL, HN; trình độ học vấn: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Thợ thạch cao; con ông Nguyễn Quốc Tường và bà: Nguyễn Thị Ánh Tuyết; có vợ tên Hồ Thị Kim Loan và chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 24/6/2023 đến ngày 30/6/2023 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Người bào chữa cho bị cáo Lục Văn K:* Bà Bùi Thị H, sinh năm 1983 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh ĐN.

Địa chỉ: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh ĐN, số 224, đường 30/4, phường TB, TP. BH, tỉnh ĐN (có mặt).

- *Bị hại:* Chị Cao Thị Mỹ L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp 5, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

Người làm chứng: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ 6, Ấp 1, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn N, Lục Văn K, Nguyễn Văn Toàn E và Nguyễn Minh T là người làm thuê cho ông Đỗ Thái Toàn, sinh năm 1982, trú tại Ấp Lình Huỳnh, xã Lình Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (chủ thầu xây dựng). Do ông Toàn nợ tiền lương không trả nên vào khoảng 16 giờ 45 phút ngày 23/6/2023, Đỗ Văn N, Lục Văn K, Nguyễn Văn Toàn E, Nguyễn Minh T, Bùi Quốc Cường, sinh năm 1989, trú tại khu phố 5, phường Hố Nai, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai và 03 N thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đi đến nhà của ông Toàn thuê ở tại Ấp 5, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai để đòi tiền lương. Khi đến nơi ông Toàn không có nhà mà có chị Cao Thị Mỹ L (bạn gái của ông Toàn) nên nhóm của N trình bày việc ông Toàn nợ lương công nhân và yêu cầu chị L gọi ông Toàn về giải quyết nhưng chị L không gọi điện được cho ông Toàn nên chị L gọi cho chị Đỗ Ngọc T, sinh năm 1979, tạm trú tại Tổ 6, Ấp 1, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (chị gái của Toàn) đến giải quyết. Lúc này có N, K, T và E ở trong phòng khách cùng L và T, còn Cường ra ngoài tiệm tạp hóa mua nước uống. Khi đó K thấy chiếc xe mô tô biển số 68D1-759.36 dựng ở phòng khách nên K và N lớn tiếng nói "xe này của Toàn hay đi giờ lấy làm tin khi nào Toàn về thì giải quyết" nói xong K đi đến nhấc đuôi xe để đẩy thì chị L nói xe này không phải của Toàn mà của chị L thì K, T, N và E yêu cầu L lấy giấy tờ xe ra chứng minh. Chị L mở cốp xe tìm giấy tờ xe nhưng không có mà chỉ tìm thấy sổ bảo hành xe ghi tên của chị Cao Thị Mỹ L nên đưa cho T xem. Sau khi xem xong, T thấy xe do chị L làm chủ nhưng vẫn nói lấy xe đi. Lúc này K đẩy lùi xe mô tô biển số 68D1-759.36 ra để N đẩy xe ra sân. N lấy chìa khóa xe trên bàn rồi chở K bỏ đi còn E điều khiển xe mô tô của E đi theo sau. Lúc này Cường

đi vào nói chuyện và vận động L gọi Toàn về giải quyết. Do sợ liên quan đến pháp luật nên Cường có điện thoại cho N đem xe quay lại nhưng N và K không đồng ý. Sau đó T, Cường và những người còn lại đi về. Khi lấy được xe, N chở K về đưa xe cho E cất giấu tại phòng trọ của E thuộc xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai. Đến 0 giờ 45 phút ngày 24/6/2023 N, K, T và E đến Công an xã An Phước, huyện Long Thành đầu thú.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển số 68D1-759.36 nhãn hiệu YAMAHA LATE màu bạc đen đã qua sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 294/KL-HĐĐGTS ngày 27/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Long Thành, kết luận: 01 xe mô tô biển số 68D1-759.36 có trị giá 19.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 211/CT-VKS ngày 13/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Đỗ Văn N, Lục Văn K, Nguyễn Văn Toàn E và Nguyễn Minh T về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo Khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên quyết định truy tố theo bản Cáo trạng và đề nghị:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; các bị cáo có nhân thân tốt, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ Điều 170 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn N, Lục Văn K, Nguyễn Văn Toàn E và Nguyễn Minh T phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt các bị cáo Đỗ Văn N, Lục Văn K, Nguyễn Văn Toàn E, và Nguyễn Minh T mức án từ 20 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Đối với Bùi Quốc Cường và một số người (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đi cùng các bị cáo nhưng không có hành vi đồng phạm với các bị cáo trong việc chiếm đoạt xe mô tô của chị Cao Thị Mỹ L nên cơ quan điều tra không khởi tố.

Về xử lý vật chứng: 01 xe ô tô biển số 01 xe mô tô biển số 68D1-759.36 đã thu hồi và trả lại cho chị Cao Thị Mỹ L.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Cao Thị Mỹ L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường.

- *Ý kiến của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Lục Văn K:* Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và thống nhất với bản

Cáo trạng cũng như bản luận tội của Viện kiểm sát. Gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang nuôi 02 con nhỏ và mẹ già, do thiếu hiểu biết về pháp luật và do xuất phát từ việc bức xúc ông Toàn không trả tiền công nên đã vi phạm pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo với mức hình phạt thấp nhất mà Viện kiểm sát đã đề xuất để bị cáo có cơ hội sửa chữa, hòa nhập với cộng đồng, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về căn cứ kết tội và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể, Do ông Đỗ Thái Toàn là chủ thầu nợ tiền lương không trả nên vào khoảng 16 giờ 45 phút ngày 23/6/2023 tại nơi ở của chị Cao Thị Mỹ L (có mối quan hệ là bạn gái ông Toàn) tại ấp 5, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, các bị cáo Đỗ Văn N, Lục Văn K, Nguyễn Văn Toàn E và Nguyễn Minh T đã có hành vi uy hiếp tinh thần của chị L để chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 68D1-759.36 có trị giá 19.500.000 đồng. Đến 0 giờ 45 phút ngày 24/6/2023 các bị cáo N, K, T và E đến Công an xã An Phước, huyện Long Thành đầu thú.

Quá trình lấy tài sản là 01 xe mô tô biển số 68D1-759.36 của chị L, mặc dù các bị cáo không đe dọa dùng vũ lực để uy hiếp tinh thần của chị L để lấy xe. Tuy nhiên, phía bên các bị cáo có 04 người đã chứng minh mức độ tương quan lực lượng giữa bị cáo và chị L, thể hiện sự uy hiếp tinh thần đối với chị L, làm cho chị L lo sợ và phải để cho các bị cáo lấy xe mang đi.

Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Đỗ Văn N, Lục Văn K, Nguyễn Văn Toàn E và Nguyễn Minh T phạm tội "*Cưỡng đoạt tài sản*" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đến cơ quan công an đầu thú; các bị cáo có nhân thân tốt, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại; bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và vai trò đồng phạm của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền về tài sản của công dân mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công phân nhiệm vai trò từ trước. Tuy nhiên khi thực hiện hành vi thì các bị cáo N và K là người trực tiếp vào lấy xe và điều khiển đi cất giấu nên vai trò của bị cáo K và N là cao hơn bị cáo Cường và E. Tuy nhiên, cũng cần xem xét đến việc các

bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách bộc phát từ nguyên nhân bạn trai của chị L là ông Toàn nợ tiền lương của các bị cáo nhưng lẩn tránh không trả, mục đích các bị cáo chiếm đoạt chiếc xe của chị L là nhằm để ông Toàn gặp và trả tiền công nợ cho các bị cáo chứ không phải chiếm đoạt chiếc xe để bán lấy tiền tiêu xài.

[5] Về quyết định hình phạt: Các bị cáo có nhân thân chưa tiền án, tiền sự, có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo do đó không cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mà cho các bị cáo được hưởng án treo và chịu sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú trong thời gian thử thách cũng đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Đối với anh Bùi Quốc Cường và một số người (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đi cùng các bị cáo nhưng không có hành vi đồng phạm với các bị cáo trong việc chiếm đoạt xe mô tô của chị Cao Thị Mỹ L. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành và Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[7] Biện pháp tư pháp: Chị Cao Thị Mỹ L đã nhận lại tài sản là 01 xe mô tô biển số 68D1-759.36 và không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo Lục Văn K phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn N, Lục Văn K, Nguyễn Văn Toàn E và Nguyễn Minh T phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

2. Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn N 02 (hai năm) tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **04 (bốn) năm** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Văn N cho Uỷ ban nhân dân xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Xử phạt bị cáo **Lục Văn K 02 (hai năm) tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **04 (bốn) năm** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo Lục Văn K cho Uỷ ban nhân dân xã Long Điền Tây, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

4. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Toàn E 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **03 (ba) năm 04 (bốn) tháng** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Toàn E cho Uỷ ban nhân dân xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

5. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **03 (ba) năm 04 (bốn) tháng** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Minh T cho Uỷ ban nhân dân phường Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà N quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Đỗ Văn N, Lục Văn K, Nguyễn Văn Toàn E và Nguyễn Minh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

7. Các bị cáo, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Ba - Nguyễn Thị Thanh **Bùi Thị Minh Thảo**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
-VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Công an huyện Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- NTG Công an H. Long Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS; THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Minh Thảo